

SỰ TRỪNG TRỊ TRONG LUẬT HÌNH SỰ

Hồ Sỹ Sơn*

Tóm tắt: Từ góc nhìn lý luận, bài viết phân tích, bình luận về phạm trù trừng trị trong Luật hình sự; qua đó, tác giả cho rằng, trừng trị cần được nhận thức là nội dung chứ không phải mục đích của hình phạt.

Abstract: From a theoretical view, the article analyzes and discusses the concept of retribution in criminal law; thereby, the author contends that retribution needs to be viewed as the substance, not the objective of penalties.

1. Đặt vấn đề

Trong khoa học Luật hình sự, thuật ngữ “trừng trị” thường được nhắc đến một cách “nhân tiện” khi người ta luận bàn về hình phạt nói chung, về bản chất, nội dung và mục đích của hình phạt nói riêng. Hơn thế, trừng trị được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Chẳng hạn, đồng nhất trừng trị với hình phạt, trừng trị và hình phạt là những phạm trù đồng nghĩa, coi trừng trị là bản chất của hình phạt, hoặc coi trừng trị là một trong những nội dung của hình phạt. Thuật ngữ trừng trị đôi khi cũng được sử dụng trong ngữ cảnh xác định chính sách và hoạt động thực tiễn của Nhà nước trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành, nơi quy định tội phạm, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến tội phạm và hình phạt, cũng chỉ đề cập duy nhất một lần tại Điều 31 khi quy định mục đích của hình phạt. Theo đó, trừng trị được coi là một trong những mục đích của hình phạt.

Sự nhận thức thiếu thống nhất về trừng trị không chỉ phản ánh tính chất phức tạp của phạm trù này, mà còn cho thấy đây là một trong những “vùng trũng” về mặt lý

luận của luật hình sự nói chung, của các quy định về khái niệm hình phạt và mục đích của hình phạt nói riêng. Một trong những hệ lụy của sự nhận thức thiếu thống nhất, thậm chí là không thật chính xác về trừng trị thể hiện ở những hạn chế, bất cập trong xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự. Thực trạng này dẫn tới việc quy định ít hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù; quy định ít chế tài lựa chọn, thậm chí các hình phạt trong chế tài lựa chọn khác xa nhau về mức độ trừng trị; quy định khoảng cách khá rộng giữa mức thấp nhất và mức cao nhất của các khung hình phạt trong chế tài tương đối dứt khoát... Bên cạnh đó, việc quyết định hình phạt quá mức cần thiết đối với người phạm tội; không cho hưởng án treo đối với người đáng được hưởng... có cả nguyên nhân nằm trong sự nhận thức không thống nhất, thậm chí không chuẩn xác về trừng trị trong luật hình sự.

2. Nội dung vấn đề

Trước hết cần nhấn mạnh rằng, trừng trị không phải là thuật ngữ đặc thù của pháp luật nói chung và của pháp luật hình sự nói riêng. Với tính cách là phạm trù có nội hàm phong phú và đa dạng, trừng trị là phạm trù xã hội học được sử dụng để chỉ việc buộc một người phải gánh chịu trách

* PGS.TS., Học viện Khoa học xã hội.

nhiệm do đã có lỗi trong việc gây ra điều ác cho Nhà nước, cho xã hội hoặc cho cá nhân khác. Trừng trị xét đến cùng là sự phản ứng của Nhà nước, của xã hội, của tổ chức, của cá nhân... đối với những hành vi không đúng đắn của con người, đối với những hành vi vi phạm các quy phạm xã hội như quy tắc đạo đức, tín điều tôn giáo, phong tục tập quán, quy phạm pháp luật... Sự phản ứng đó mang tính chất chê trách, lên án, chỉ trích; vì vậy, khi được áp dụng, nó tác động đến tâm lý của người vi phạm nhằm phòng ngừa họ tái phạm. Do đó, quan điểm cho rằng, trừng trị đồng nghĩa với “gây đau đớn”, “gây mất mát”, “cưỡng chế buộc phải đau đớn, mất mát”...¹ là không hoàn toàn chính xác.

Những người “phải nhận” sự phản ứng đó của Nhà nước, của xã hội, của tổ chức, của cá nhân, cố nhiên phải chịu những đau đớn, mất mát nhất định. Vì vậy, mức độ trừng trị phải được cân nhắc để người bị áp dụng không phải chịu những đau đớn, mất mát không đáng có, quá mức cần thiết, nhất là thiếu công bằng. Trừng trị chỉ thể hiện được vai trò là phương thức tác động có hiệu quả đến tâm lý của người có lỗi, giúp họ sửa chữa được lỗi lầm và không tái phạm một khi nó là đại lượng công bằng. Do đó, những đau đớn và mất mát mà người có lỗi phải gánh chịu không phải là bản chất của trừng trị và càng không phải là mục đích của trừng trị. Về nguyên tắc, có cả trừng trị không gây đau đớn và mất mát, nên quan điểm đồng nhất trừng trị với đau đớn và mất

mát để thổi phồng vai trò của chúng trong cơ chế tác động của trừng trị đối với người vi phạm, theo tác giả, cũng không hoàn toàn chính xác.

Trừng trị, xét đến cùng, còn là sự phán xét có tính công bằng (ở nghĩa văn minh hiện đại chứ không ở nghĩa ăn miếng trả miếng như dưới thời Trung cổ), là sự lên án người có lỗi ở mức cần và đủ, là sự xử lý hợp lý, khách quan dựa trên cơ sở vi phạm và không nhất thiết phải gây đau đớn cho người bị áp dụng. Sự cảm nhận “bị gây đau đớn”, “bị gây mất mát”, “bị gây nỗi đau về thể chất hoặc tinh thần” “bị dày ải”² là quan niệm mang tính chủ quan của con người đối với sự lên án, sự chỉ trích, sự xử lý được áp dụng đối với họ và đối với những hạn chế mang tính khách quan gắn với sự lên án, sự chỉ trích, sự xử lý mà họ phải gánh chịu. Với ý thức chủ quan của mình, con người có thể cảm thấy đau đớn, nhưng cũng có thể không cảm thấy đau đớn khi bị lên án, bị chỉ trích, bị xử lý.

Trong lĩnh vực Luật hình sự, bất kỳ một hình phạt hay biện pháp cưỡng chế hình sự nào khác được áp dụng đối với người phạm tội cũng có thể được họ cảm nhận bị trừng trị hoặc không bị trừng trị. Chẳng hạn, khi cùng bị áp dụng hình phạt như cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (Điều 41 Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017), một số người bị kết án cảm nhận việc tòa án áp dụng hình phạt trên là trừng trị họ, một số người bị kết án khác

¹ Xem: Noj I.S., *Những vấn đề lý luận về hình phạt trong Luật hình sự Xô-viết*, Saratov, 1962, tr. 155; Tagashev N.X, *Luật hình sự nước Nga*, Phần chung, Mátxcova, tr.5-7 (Tiếng Nga).

² Xem: Ozhegov S.I., *Từ điển Tiếng Nga*, Mátxcova, 1985, tr.679 (Tiếng Nga).

cảm nhận đó là chuyện nhỏ nhặt, thậm chí chẳng có nghĩa lý gì cả.

Mức độ trừng trị vốn là nội dung của hình phạt này hay hình phạt khác không chỉ được xác định thông qua kết quả đánh giá khách quan của dư luận xã hội về “giá trị” của những quyền và lợi ích mà người phạm tội “bị tước đoạt” hay “bị hạn chế”, mà còn được xác định thông qua sự cảm nhận mang tính chủ quan của người bị áp dụng về những đau đớn và mất mát mà họ phải gánh chịu. Chính vì vậy, cùng bị trừng trị như nhau (xét theo nội dung và phạm vi trừng trị), một số người cảm nhận trừng trị là đau đớn và mất mát, một số người cảm nhận trừng trị chỉ là “sự khó chịu không đáng kể” mà thôi. Về điều này, không thể không đồng ý với quan điểm cho rằng: “Tuỳ thuộc vào đặc điểm nhân thân mà những người cùng bị kết án về loại và mức hình phạt như nhau, nhận thức về mức độ nặng, nhẹ của loại và mức hình phạt đó không giống nhau. Giữa người tái phạm tội vốn ra tòa vào tù “như cơm bữa” và người lần đầu phạm tội cảm nhận sự đau đớn và mất mát mà mức hình phạt tù 1 năm đem lại cho họ khác nhau một trời một vực”³.

Do đặc điểm nhân thân, người bị kết án có thể không cảm nhận được hoặc cảm nhận được, nhưng không đầy đủ mức độ trừng trị mà tòa án đã dự liệu. Trong những trường hợp như vậy, tòa án có nên tăng nặng hình phạt hay nói cách khác là có nên tăng mức độ trừng trị để tác động đến tinh thần người phạm tội hay không? Câu trả lời ở đây là

không, bởi đối với một số người phạm tội, việc tăng nặng hình phạt được họ cảm nhận là hợp lý, còn đối với một số người phạm tội khác, việc tăng nặng hình phạt không những không hợp lý mà còn là sự bất công. Với tính cách là sự tương xứng khách quan với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội (nhìn từ góc độ quan niệm của xã hội về lẽ công bằng), trừng trị luôn luôn tồn tại và “đủ độ” đối với tội phạm và người phạm tội. Rõ ràng, tòa án không nhất thiết phải tăng nặng hình phạt đối với người bị kết án mà cần cân nhắc đến các đặc điểm khác của sự trừng trị. Cần lưu ý rằng, việc đồng nhất trừng trị với đau đớn và mất mát cũng như việc thổi phồng vai trò của đau đớn và mất mát trong việc đảm bảo hiệu quả của hình phạt làm lu mờ các đặc điểm khác của trừng trị. Thực tiễn chứng minh rằng, lòng tự trọng, tâm trạng, thái độ “ăn năn, hối lỗi, xấu hổ”... của những người bị kết án có “độ phù rộng lớn” hơn nhiều so với “sự đau đớn và mất mát” mà họ cảm nhận được từ “sự trừng trị” vốn là nội dung của hình phạt được áp dụng đối với mình. Thái độ “ăn năn, hối lỗi, xấu hổ”... chỉ xuất hiện ở người phạm tội khi họ nhận thức được mức độ trừng trị mà họ phải gánh chịu là công bằng. Vì vậy, khi quy định và áp dụng hình phạt, cần cân nhắc để mức độ trừng trị với tính cách là nội dung của hình phạt có thể tạo ra ở những người bị kết án những xung động tích cực như xấu hổ, ăn năn, hối hận... vì đã phạm tội chứ không nên “tuyệt đối hóa” mức độ đau đớn và mất mát mà hình phạt quy định và việc áp dụng mang lại cho họ. Cũng cần lưu ý rằng, trừng trị người phạm tội không có nghĩa là làm cho họ đau đớn và mất mát quá mức cần thiết để họ “khiếp sợ”, lại càng không có nghĩa là dùng

³ Xem: Galp'perin I.M, *Hình phạt: Chức năng xã hội và thực tiễn áp dụng*, Nxb. Pháp lý, Mátxcova, 1983, tr. 44 (Tiếng Nga).

sự đau đớn và mất mát quá mức cần thiết đó để ngăn ngừa việc phạm tội của những người khác, nhất là những người không vững vàng trong cuộc sống.

Vậy, đặt trong ngữ cảnh trừng trị người phạm tội, cái đau đớn và mất mát mà trừng trị (nội dung của hình phạt) mang lại cho người phạm tội được biểu hiện bằng những đại lượng nào? Trước hết cần nhấn mạnh rằng, trừng trị người phạm tội, suy cho cùng là tước đi hoặc hạn chế ở họ những quyền và lợi ích nhất định mà nếu không phạm tội, họ được hưởng và được bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật. Trừng trị công bằng là việc tước đi hoặc hạn chế các quyền và lợi ích của người phạm tội tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, với các đặc điểm nhân thân của người phạm tội.

“Gây đau đớn và mất mát” không phải là mục đích của trừng trị. Có sự đau đớn và mất mát ngoài trừng trị thì cũng có trừng trị không gây ra đau đớn và mất mát. Sự “khiếp sợ”, sự “không phạm tội mới” của người phạm tội và sự cảm nhận “bị răn đe là đừng phạm tội” của những người không vững vàng trong cuộc sống là kết quả gián tiếp của sự trừng trị, là sự nhận thức chủ quan của những người đó. Kết quả đó có thể có, nhưng cũng có thể không có và càng không thể là ý nghĩa hoặc mục đích vốn có của trừng trị. Sự hiện diện của trừng trị, có tác dụng ngăn ngừa người phạm tội phạm tội mới, ngăn ngừa những người không vững vàng trong cuộc sống phạm tội, nhưng trừng trị không thể (cũng như không cần) chỉ gây đau đớn và mất mát quá mức cần thiết cho người phạm tội.

Trong lĩnh vực Luật hình sự, trừng trị như đã nhấn mạnh, là sự phản ứng của xã hội, của Nhà nước đối với người phạm tội, song không phải là sự phản ứng ở bất kỳ mức độ nghiêm khắc nào mà chỉ ở mức độ tương xứng phù hợp với ý thức và dư luận xã hội về lẽ công bằng, về xét xử công bằng tội phạm và người phạm tội. Đây chính là điểm khác biệt giữa sự trừng trị và hình phạt, vì hình phạt có thể (và thường là) không công bằng; còn trừng trị phải công bằng do đây là sự phản ứng mang tính tất yếu khách quan của xã hội “lành mạnh” đối với người phạm tội - một sự phản ứng không thể nào khác ngoài sự tương xứng của nó với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, với các đặc điểm nhân thân người phạm tội vốn được coi là những căn cứ quyết định hình phạt. Nếu sự tương xứng hay sự công bằng giữa trừng trị và các căn cứ quyết định hình phạt nêu trên bị phá vỡ, sẽ không còn trừng trị theo đúng nghĩa của nó vì hình phạt được quyết định đối với người phạm tội lúc đó hoặc quá nặng hoặc quá nhẹ mà không có căn cứ. Khi tính tất yếu khách quan của trừng trị phá vỡ theo hướng nghiêm khắc hơn mức cần thiết, trừng trị trở thành sự trấn áp, sự trả thù của xã hội, của Nhà nước đối với người phạm tội.

Để trừng trị người phạm tội, không cần tăng cường các chế tài nghiêm khắc, mà phải đảm bảo mức độ tương xứng (công bằng) đã được văn minh hóa giữa những hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà người đó đã thực hiện vì mục đích đảm

bảo công lý, công bằng xã hội và phòng ngừa tội phạm.

Cách tiếp cận coi trừng trị là nội dung của hình phạt như đã phân tích trên đây, theo tác giả là có cơ sở khoa học và mang tính nhân đạo cao hơn so với cách tiếp cận coi trừng trị là mục đích của hình phạt mà Bộ luật Hình sự hiện hành của nước ta ghi nhận. Bởi, nội dung của hình phạt, trừng trị trong Luật hình sự thể hiện ở mức độ tước bỏ hoặc hạn chế quyền và lợi ích của người phạm tội. Tuy nhiên, phạm vi, mức độ của các quyền và lợi ích bị tước bỏ hoặc hạn chế đó phải tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, với các đặc điểm nhân thân người phạm tội. Vì vậy, hình phạt được quy định và áp dụng đối với người phạm tội không nhằm mục đích trừng trị người phạm tội mà chính là thông qua trừng trị hướng đến các mục đích đảm bảo công lý, công bằng xã hội và phòng ngừa tội phạm. Cũng vì vậy, quan điểm coi hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước và có mục đích trừng trị người phạm tội, thiết nghĩ là không hoàn toàn chính xác. Đó cũng là cơ sở để kết luận khái niệm hình phạt quy định tại Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: “Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó” là không hoàn toàn chính xác. Vấn đề không chính xác ở đây thể hiện

qua việc nhà làm luật nước ta coi “tước bỏ hoặc hạn chế” - trừng trị là “mục đích” của hình phạt, chứ không phải là “nội dung” của hình phạt. Phải chăng vì vậy mà tại Điều 31 của Bộ luật này, nhà làm luật nước ta quy định: “Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội, mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm”. Điều đáng nói là những quy định đó không những không phù hợp bản chất, ý nghĩa, vai trò của trừng trị trong Luật hình sự, mà còn không phù hợp trong xu hướng phát triển ngày càng nhân đạo, phân hóa và quốc tế hóa của Luật hình sự các nước trên thế giới nói chung và của Luật hình sự nước ta nói riêng.

Từ những điều phân tích trên đây, có thể thấy, nội dung Điều 30 Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về khái niệm hình phạt, cần được chỉnh sửa theo hướng khẳng định: *Hình phạt là biện pháp tác động của Luật hình sự có nội dung trừng trị thể hiện sự tước bỏ hoặc hạn chế quyền và lợi ích của người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội ở mức cần và đủ. Hình phạt được quy định trong Bộ luật Hình sự và do tòa án quyết định đối với chính người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội.* Đồng thời, nội dung Điều 31 Bộ luật Hình sự hiện hành về mục đích của hình phạt, cũng cần được chỉnh sửa theo hướng khẳng định: *Hình phạt có mục đích đảm bảo công lý, công bằng xã hội và phòng ngừa tội phạm.*